TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày: 23-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lệ và bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HS ngày 10/01/2018, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn Ch** (tên gọi khác: không); sinh ngày: 14 tháng 7 năm 1985 tại huyện D, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm HN, xã DB, huyện D, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Đánh cá; trình độ học vấn: Lớp 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T và bà Trần Thị B; có vợ: Trần Thị B1 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/10/2017 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Văn Th** (tên gọi khác: không); sinh ngày: 02 tháng 11 năm 1987 tại huyện D, Nghệ An; nơi cư trú: Xóm QTh, xã DB, huyện D, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Đánh cá; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Đ và bà Trần Thị Ng; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 23/6/2016 bị Tòa án nhân dân huyện D xử phạt 15 (mười lăm) tháng tù, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" (Bản án số 71/2016/HS-ST), đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 27/3/2017; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/10/2017 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Trần Ngọc S** (tên gọi khác: không); sinh ngày: 20 tháng 3 năm 1990 tại huyện D, Nghệ An; nơi cư trú: Xóm HĐ, xã DB, huyện D, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Ngọc Th và bà Đậu Thị B; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Ngày 03/10/2017 bị Ủy ban nhân dân huyện D xử phạt 7.500.000đồng (bảy triệu, năm trăm ngàn đồng), về hành vi "Buôn bán trái phép pháo" (QĐ-XPVPHS số 2339); tiền án: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/10/2017 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Văn Ng1** (tên gọi khác: không); sinh ngày: 08 tháng 12 năm 1992 tại huyện D, Nghệ An; nơi cư trú: Xóm HN, xã DB, huyện D, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Đánh cá; trình độ học vấn: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Song H và bà Đào Thị Ph; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 28/7/2015 bị Tòa án nhân dân huyện D xử phạt 09 (chín) tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản" (Bản án số 89/2015/HS-ST), đã chấp hành xong hình phạt ngày 17/02/2016; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/10/2017 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

Anh Bùi Hữu Th1, sinh năm 1968.

Nơi cư trú: Xóm X, xã DK, huyện D, Nghệ An. Có mặt.

Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Xóm TT1, xã DK, huyện D, Nghệ An. Vắng mặt.

Chị Bùi Thị C, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Xóm Y, xã DK, huyện D, Nghệ An. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Hồng S1, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Xóm H, xã DB huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Anh Lê Đình L sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Xóm Q, xã DB, huyện D, Nghệ An. Có mặt.

Anh Thái Bá Th2, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Xóm T, xã DNg, huyện D, Nghệ An. Vắng mặt.

Anh Phan Văn Đ, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Xóm Q, xã D, huyện D, Nghệ An. Vắng mặt.

Bà Trần Thị B, sinh năm 1954.

Nơi cư trú: Xóm H, xã DB, huyện D, Nghệ An. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

Chị Nguyễn Thị L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vụ thứ nhất: Khoảng 13 giờ, ngày 11/9/2017, Nguyễn Văn Ch đi chơi ở xóm C, xã DNg thì gặp Trần Văn Th. Th rủ Ch "đi bộ đội kiếm tiền chơi đi". Hiểu ý của Th là đi trộm cắp tài sản để có tiền mua ma túy về dùng. Ch đồng ý. Th chở Ch bằng xe máy Wave & màu xanh của mình, đi sang xã DK. Khi qua nhà anh Bùi Hữu Th1 ở xóm X, xã DK, Ch nhìn thấy có 01 máy cắt sắt cơ khí. Ch nói Th dừng xe lại để Ch vào trộm. Ch đi vào bên trong lấy máy cắt sắt đưa ra chỗ Th đứng chờ. Cả hai đi đến xóm H bán cho anh Nguyễn Hồng S với giá 700.000đồng. Ch và Th đã sử dụng hết số tiền này. Một thời gian sau, bà Trần Thị B (mẹ của Ch) chuộc lại máy cắt sắt trả cho anh Th1.

Vụ thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 27/9/2017, Trần Ngọc S đi xe máy Sirius màu đỏ, đến nhà Ch, rủ Ch đi ăn trộm. Ch đồng ý. Cả hai đi dọc theo đường đê biển rồi dừng xe, dựng sát mép đê, trèo tường vào nhà anh Nguyễn Văn Q, Ch lấy trộm 02 máy bơm nước, Sang ra khu vực chuồng gà bắt 02 con gà trống chọi. Sau đó, S trèo tường ra phía ngoài, Ch đứng trong chuyển tài sản trộm cắp được ra cho S. Cả hai đưa số tài sản lấy được đi tiêu thụ. Bán cho anh Lê Đình L 02 máy bơm nước được 400.000đồng cùng nhau tiêu xài; 02 con gà, Ch, S chia nhau, mỗi người một con. S đưa về nuôi, Ch bán cho anh Thái Bá Th2 được 250.000đồng.

Vụ thứ ba: vào khoảng 14 giờ, ngày 26/9/2017, Trần Văn Th đến nhà Nguyễn Văn Ng1. Cả hai rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Th điều khiển xe máy chở Ng1 đi qua nhà chị Bùi Thị C thấy cửa không khóa. Ng1 thấy có 01 chân vịt tàu. Ng1 nói Th dừng xe, Ng1 đi vào đi lấy chân vịt. Sau đó, cả hai bán cho anh Phan Văn Đ được 200.000đồng, cùng nhau tiêu xài hết.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ tháng 6 đến tháng 9/2017 Ch, S, Ng1, Th còn thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản khác, nhưng chưa tìm được người bị hại.

Các bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Nghệ An.

Tại phiên tòa, các bị cáo Ch, S, Th, Ng1 khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, trong tháng 9/2017, các bị cáo đã có hành vi đồng phạm, thực hiện 3 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn xã DK, huyện D với tổng giá trị tài sản 5.850.000đồng.

- Về các vấn đề khác của vụ án:

Thủ tục định giá: trong các ngày 17 và 19/10/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D tiến hành trưng cầu định giá tài sản. Tại Biên bản định giá

và Kết luận định giá tài sản xác định giá trị: 01 máy bơm nước Sakayo - 350.000đồng, 01 máy bơm nước Baolong - 1.100.000đồng, 01 con gà trống trọi nặng 2.2kg - 500.000đồng, 01 con gà trống trọi nặng 2.6kg - 600.000đồng, 01 máy cắt sắt Kotomer - 2.800.000đồng, 01 bộ trục chân vịt - 500.000đồng.

Vật chứng và xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D đã tiến hành trả: 02 máy bơm nước và 02 con gà chọi cho anh Nguyễn Văn Q; 01 chiếc chân vịt cho chị Bùi Thị C; 01 máy cắt sắt cho anh Bùi Hữu Th1.

Phương tiện phạm tội: Xe máy mang biển kiểm soát 37B2-211-13 là tài sản của ông Trần Ngọc Th2, S mượn đi chơi, ông Th2 không biết nên Cơ qua điều tra không thu giữ. Xe máy Th sử dụng phạm tội, Th đã bán cho người khác không rõ tên, tuổi nên không thu giữ được.

Trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu đền bù dân sự.

Quá trình điều tra bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản nêu trên. Các bị cáo cũng không có ý kiến gì.

- Bản cáo trạng số 08/VKS-HS ngày 05/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Ch, Trần Văn Th, Trần Ngọc S và Nguyễn Văn Ng1, về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1 Điều 46, điểm g (phạm tội nhiều lần) khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ch từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù. Áp dụng: khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g (phạm tội nhiều lần, tái phạm) khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn Th từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù. Áp dụng: khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo Trần Ngọc S từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù, Nguyễn Văn Ng1 từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù. Dân sự: Không xem xét.

Các bị cáo không tranh luận gì về tội danh. Lời nói sau cùng: các bị cáo Ch, Th, S, Ng1 đều xin giảm nhẹ hình phạt, làm lại cuộc đời.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt không tranh luận gì.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có yêu cầu bồi thường dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Ch, Th, S, Ng1 khai nhận: trong tháng 9/2017 các bị cáo đã thực hiện hành vi lấy cắp 01 máy cắt sắt, 02 máy bơm nước, 02 con gà chọi, 01 chân vịt; của anh Th1, anh Q và chị C. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Các bị cáo nhận thức được việc lén lút trộm cắp tài sản của người khác là làm ảnh hưởng, xâm phạm đến việc thực hiện quyền sở hữu của họ. Các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực trách nhiệm hình sự. Phạm tội với lỗi cố ý. Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản có giá trị 5.350.000đồng của bị cáo Ch, 3.300.000đồng của bị cáo Th, 2.550.000đồng của bị cáo S đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Riêng bị cáo Ng1 chỉ lén lút chiếm đoạt tài sản có giá trị 500.000đồng, nhưng do bị cáo đã bị kết án 09 (chín) tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản", chưa được xóa án tích, lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Hướng dẫn tại mục 7 Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán thì hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến an toàn, trật tự công cộng, gây ra tâm lý, lo lắng trong cộng đồng dân cư. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, cách ly ra ngoài xã hội một thời gian, mới có đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo các bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung. Các bị cáo đồng phạm giản đơn, nên cần phải xem xét đến vai trò, nhân thân của từng bị cáo để cá thể hóa hình phạt cho phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt: các bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo S có 01 tiền sự. Bị cáo Th đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý, nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm đối với bị cáo. Bị cáo Ch phạm tội nhiều lần. (Điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự). Bị cáo Ng1 tuy cũng bị kết án chưa được xóa

án tích lại tiếp tục phạm tội, nhưng tình tiết tái phạm được áp dụng để định tội nên không xem là tình tiết tăng nặng.

[5] Hình phạt bổ sung: các bị cáo không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Đánh giá về vật chứng, xử lý vật chứng: 01 máy bơm nước Sakayo, 01 máy bơm nước Baolong, 02 con gà trống chọi đã được trả lại cho anh Q; 01 máy cắt sắt Kotomer trả cho anh Bùi Hữu Th1; 01 chiếc chân vịt tra cho chị Bùi Thị C. Là đúng quy định pháp luật.

[7] Trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Bùi Hữu Th1, anh Nguyễn Văn Q, chị Bùi Thị C đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hồng S1, anh Lê Đình L, anh Thái Bá Th2, anh Phan Văn Đ, bà Trần Thị B không yêu cầu hoàn trả lại số tiền các bị cáo đã nhận.

[8] Biện pháp tư pháp: các bị cáo thu lợi bất chính, S – 200.000đồng, Ch 450.000đồng, Ng1 – 100.000đồng, Th - 450.000đồng. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 để tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

[9] Đánh giá về những vấn đề khác:

Trong khoảng thời gian từ tháng 6 đến tháng 9/2017 Ch, S, Ng1, Th còn thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản khác, nhưng chưa tìm được người bị hại. Kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hồng S1, anh Lê Đình L, anh Thái Bá Th2, anh Phan Văn Đ không biết tài sản mình mua do các bị cáo phạm tội mà có nên không bị xử lý.

[10] Về án phí hình sự: các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Ch, Trần Văn Th, Nguyễn Văn Ng1 và Trần Ngọc S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g (phạm tội nhiều lần) khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ch 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 17/10/2017).

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g (phạm tội nhiều lần, tái phạm) khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn

Th 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 17/10/2017).

- Áp dụng: khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo Trần Ngọc S 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 23/10/2017). Bị cáo Nguyễn Văn Ng1 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 18/10/2017).

Án phí: áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc các bị cáo Nguyễn Văn Ch, Trần Văn Th, Nguyễn Văn Ng1 và Trần Ngọc S, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Biện pháp tư pháp: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 tịch thu, sung quỹ nhà nước tiền thu lợi bất chính tại bị cáo S: 200.000đồng (hai trăm ngàn đồng), Ch: 450.000đồng (bốn trăm, năm mươi ngàn đồng), Ng1: 100.000đồng (một trăm ngàn đồng), Th: 450.000đồng (bốn trăm, năm mươi ngàn đồng). Các bị cáo phải nộp một lần kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Quyền kháng cáo: các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Quang Trung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện D;
- CA huyện D(NVCS);
- CCTHA Dân sự huyện D;
- THA hình sự;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ + Lưu trữ.